

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Nguyễn Văn Phúc*; Ngô Hải Hưng**

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất (GDTC) tại các cơ sở Giáo dục đại học giai đoạn 2008-2013 trên các mặt: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên; Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý giảng viên; Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; nhu cầu nâng cao kiến thức... Đây là cơ sở thực tiễn, quan trọng để lựa chọn nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học năm 2014.

Từ khóa: Giảng viên, giáo dục thể chất, tuyển dụng, sử dụng, số lượng giảng viên, chất lượng giảng viên, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ sở giáo dục đại học...

Real situation of Physical Education teacher quality in tertiary institutions

Summary:

We have used the common scientific research methods to make assessment of the real situation of Physical Education teacher quality at tertiary institutions from 2008 to 2013 in terms of number and quality; teacher recruitment, use and management; Professional improvement; need of knowledge development, etc. On such basis, we have selected the content of professional improvement for Physical Education teachers in tertiary institutions in 2014.

Keywords: Teachers, Physical Education, recruitment, use, number of teachers, quality of teachers, professional improvement, tertiary institutions, etc.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, Nhà nước luôn quan tâm xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học theo hướng chuẩn hoá, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Tuy nhiên trên thực tế, mặc dù số lượng giảng viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là khá cao, nhưng năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhiều giảng viên còn có những hạn chế, chưa thực sự đổi mới phương pháp giảng dạy, vẫn còn có những giáo viên xếp loại yếu về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là giảng viên làm công tác GDTC, ít có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn và cập nhật kiến thức...

Để có cơ sở lựa chọn nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình giải quyết vấn đề nghiên cứu chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp toán học thông kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng đội ngũ giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học

1.1. Số lượng đội ngũ giảng viên

Bằng phương pháp điều tra, chúng tôi tiến hành phân tích số liệu của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục - Bộ GD&ĐT về thực trạng phân bổ giáo viên giai đoạn 2008 - 2013. Kết quả điều tra được trình bày tại bảng 1.

*PGS,TS, Phó hiệu trưởng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

BÀI BÁO KHOA HỌC

Bảng 1. Thực trạng phân bổ số lượng giáo viên và giảng viên GDTC giai đoạn 2008 - 2013

Năm học	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Hệ Cao đẳng						
Trường	209	227	230	226	215	214
Công lập	185	198	199	196	187	185
Ngoài công lập	24	29	31	30	28	29
Sinh viên	422.937	476.721	576.878	726.219	756.292	724.232
Nữ	214.686	244.2	305.905	386.265	393.771	345.979
Công lập	377.531	409.884	471.113	581.829	613.933	589.039
Ngoài công lập	45.406	66.837	105.765	144.39	142.359	135.193
Hệ chính quy	344.914	429.544	527.533	675.724	702.83	695.992
Hệ cử tuyển	1.323	662	794	1.06	1.717	
Vừa làm vừa học	76.7	46.515	48.551	49.435	51.745	27.904
Giảng viên	17.903	20.183	24.597	23.622	24.437	26.008
Nữ	8.796	10.071	11.97	12.051	13.122	13.631
Công lập	16.34	17.888	20.125	19.933	20.69	23.954
Ngoài công lập	1.563	2.295	4.472	3.689	3.747	2.054
Hệ Đại học						
Trường	160	169	173	188	204	207
Công lập	120	124	127	138	150	153
Ngoài công lập	40	45	46	50	54	54
Sinh viên	1.180.547	1.242.778	1.358.861	1.435.887	1.448.021	1.453.067
Nữ	571.523	602.676	659.828	693.175	698.662	673.767
Công lập	1.037.115	1.091.426	1.185.253	1.246.356	1.258.785	1.275.608
Ngoài công lập	143.432	151.352	173.608	189.531	189.236	177.459
Hệ chính quy	688.288	773.923	862.569	970.644	1.039.169	1.076.233
Hệ cử tuyển	5.765	5.562	7.189	7.448	7.66	
Vừa làm vừa học	486.494	463.293	489.103	457.795	401.192	370.934
Giảng viên	38.217	41.007	45.961	50.951	59.672	61.674
Nữ	16.459	18.185	20.849	23.306	28.051	29.194
Công lập	34947	37.016	40.086	43.396	49.742	49.932
Ngoài công lập	3.27	3.991	5.875	7.555	9.93	11.742

Qua bảng 1 cho thấy: Tính đến năm học 2012-2013, cả nước có khoảng 87.682 giảng viên đại học, cao đẳng. Tình trạng thiếu giảng viên diễn ra ở nhiều nơi, nhiều cấp học, cụ thể:

- Đối với giảng viên khối cao đẳng có tỷ lệ bình quân 27,84 sinh viên/giảng viên; khối đại học có tỷ lệ bình quân 23,56 sinh viên/giảng viên, đều cao hơn định mức chuẩn 20 sinh viên/giảng viên.

- Đối với giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học có tỷ lệ bình quân 354.03 sinh viên/giảng viên, cao hơn định mức 20 sinh viên/giảng viên theo quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

- Vẫn còn tình trạng mất cân đối, không đồng bộ trong cơ cấu đội ngũ ở các địa bàn khác nhau (thừa giáo viên ở các trung tâm, thành phố, thị xã nhưng lại thiếu giáo viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn) và theo ngành nghề đào tạo.

1.2. Chất lượng đội ngũ giảng viên GDTC

Để đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học đề tài đã tiến hành điều tra thông qua số liệu của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục - Bộ GD&ĐT về thực trạng trình độ học vấn tại các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2008 - 2013. Kết quả điều tra được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng trình độ đào tạo của đội ngũ giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2008 đến 2013

Năm học	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Hệ Cao đẳng						
Trường	209	227	230	226	215	214
Tiến sĩ	243	338	656	586	633	693
Thạc sĩ	4.854	5.785	6.859	7.509	8.766	10.015
ĐH. CĐ	12.468	13.689	16.242	14.939	14.696	14.714
Trình độ khác	338	371	840	588	342	221
Hệ Đại học						
Trường	160	169	173	188	204	207
Tiến sĩ	5.643	5.879	6.448	7.338	8.519	8.869
Thạc sĩ	15.421	17.046	19.856	22.865	27.594	28.987
ĐH. CĐ	16.654	17.61	19.09	20.059	22.547	23.002
Trình độ khác	185	174	154	255	569	327
Giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học						
Giai đoạn	1990-1995	1995-2000	2000-2005	2005-2010	2010-2013	
Số lượng giảng viên	1854	2818	4672	5217	6150	

Qua bảng 2 cho ta thấy: Hầu hết giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, cụ thể giảng viên đại học và cao đẳng đạt 92,93%. Số chưa đạt chuẩn giảm dần hàng năm.

2. Thực trạng công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học

Qua phân tích thực tế và ý kiến đánh giá của các chuyên gia ngành Giáo dục cho thấy chính sách luân chuyển giảng viên và nghĩa vụ làm việc trong Ngành Giáo dục đối với sinh viên sau tốt nghiệp còn thiếu cơ chế, biện pháp khả thi để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Công tác đánh giá phân loại giảng viên GDTC đã có nhiều đổi mới, bước đầu phát huy tính tích cực, tạo động lực và khuyến khích giảng viên phấn đấu vươn lên. Tuy nhiên, hạn chế trong công tác này là nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý công tác GDTC chưa đầy đủ, còn né tránh, nể nang; chưa ban hành kịp thời các tiêu chí đánh giá, thiếu các tiêu chí cụ thể, định lượng nên việc đánh giá chưa thật chính xác, khách quan, chưa phản ánh đúng thực chất về đội ngũ.

Những năm qua, Bộ GD&ĐT đã phối hợp với các bộ, ngành tập trung xây dựng và ban

hành hệ thống văn bản chỉ đạo tương đối đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục thực hiện tốt chế độ chính sách đối với đội ngũ giảng viên nói chung và GDTC nói riêng (như: Thông tư số 20/2013/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 791/NGCBQLGD-CSĐTBD ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Cục nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục giao cho Trường đại học TDTT Bắc Ninh mở lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên GDTC các cơ sở giáo dục đại học.v.v...). Cùng với chính sách chung của Nhà nước, tùy vào điều kiện kinh tế của từng cơ sở giáo dục đại học đã tích cực tham mưu với các cấp để có những chính sách riêng hỗ trợ cho đội ngũ giảng viên (như: chế độ hỗ trợ tiền ngoài trời cho giảng viên GDTC; chế độ hỗ trợ cho giảng viên đi học tập nâng cao trình độ...). Tuy nhiên, chế độ chính sách cho đội ngũ giảng viên GDTC hiện còn nhiều hạn chế, vướng mắc như:

Công tác quản lý giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục còn một số vấn đề bất cập như: Nhiều quy định về chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng giảng viên GDTC đã ban hành từ lâu, không còn phù hợp song chậm

BÀI BÁO KHOA HỌC

được bổ sung, sửa đổi; Bất cập trong việc thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, cụ thể như: chưa giải quyết triệt để bất hợp lý trong hệ thống thang bậc, bảng lương, chế độ phụ cấp cho giảng viên GDTC và chế độ đối với giáo viên hợp đồng; thu nhập của giảng viên GDTC ở các trường công lập và ngoài công lập có khác biệt lớn; đời sống của phần đông giảng viên GDTC vẫn còn khó khăn, điều kiện làm việc còn hạn chế nên bản thân họ chưa thực sự yên tâm công tác, thậm chí ở một số thành phố lớn đã có hiện tượng giáo viên xin nghỉ việc, chuyển chỗ, làm nghề khác...

3. Thực trạng công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học

Bảng 3. Thực trạng trình độ và thâm niên công tác của giảng viên GDTC tại 20 trường đại học trên toàn quốc tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khóa 1 tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2014 (n=35)

Trình độ						Thâm niên công tác						Chức vụ			
TS	Tỷ lệ%	Ths	Tỷ lệ%	CN	Tỷ lệ%	>5 năm	Tỷ lệ%	5-10 năm	Tỷ lệ%	< 10 năm	Tỷ lệ%	Quản lý	Tỷ lệ%	Giảng viên	Tỷ lệ%
0	0	20	57.1	15	42.9	9	25.7	10	28.6	16	45.7	5	14.3	30	85.7

Bảng 4. Thực trạng công tác bồi dưỡng chuyên môn đối với giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học (n=35)

TT	Nội dung bồi dưỡng chuyên môn	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không tham gia	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Giảng dạy	35	100	0	0	0	0
2	Tổ chức thi đấu và trọng tài	32	91.4	0	0	0	0
3	Nghiên cứu khoa học	30	85.7	0	0	0	0
4	Huấn luyện đội tuyển	0	0	18	51.4	0	0
5	Chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	0	0	15	42.9	20	57.1

công tác dưới 5 năm chiếm tỷ lệ 25.7%, từ 5 đến 10 năm chiếm tỷ lệ 28.6% và trên 10 năm chiếm tỷ lệ 45.7%. Về chức vụ quản lý chiếm tỷ lệ 14.3%, còn lại là giảng viên. Về thực trạng nội dung bồi dưỡng chuyên môn chủ yếu tập trung vào ba nội dung là giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài, nghiên cứu khoa học có tỷ lệ từ 85.7% đến 100%, ngoài ra còn tham gia một số nội dung như huấn luyện đội tuyển và chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhưng không nhiều. Qua trao đổi trực tiếp các học viên đều có ý kiến tập trung vào một số vấn đề sau:

Để làm rõ thực trạng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 35 học viên của 20 trường đại học tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học năm 2014 tổ chức tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về trình độ, thâm niên công tác, công việc thực tế đang đảm nhiệm và tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả phỏng vấn được chúng tôi trình bày tại bảng 3 và 4.

Qua bảng 3 và 4 cho ta thấy: Về trình độ của 35 học viên tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tập trung vào hai trình độ đó là: Cử nhân chiếm tỷ lệ 42.9%; Thạc sĩ chiếm tỷ lệ 57.1% không có trình độ tiến sĩ. Về thâm niên

- Số lượng chương trình, chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên GDTC các cơ sở giáo dục đại học còn ít và hầu như không được tổ chức một cách thường xuyên.

- Số lượng giảng viên GDTC được tham gia các chương trình, các hoạt động bồi dưỡng về năng lực chuyên môn nghiệp vụ còn rất hạn chế.

- Công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ chủ yếu vẫn mang tính tự thân mà chưa mang tính tổ chức, tính bắt buộc hoặc được sắp xếp theo quy định và kế hoạch của các trường (Chương trình chung của Bộ quy định

cấp chứng chỉ cần phải được cập nhật liên tục 3 năm/1 lần hoặc tập huấn dài ngày với chuyên đề sâu cho mọi giảng viên).

- Nhiều chương trình bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ vẫn chưa được cải tiến và tổ chức một cách khoa học.

- Thiếu những tiêu chí đánh giá cụ thể trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học.

4. Thực trạng về nhu cầu nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn nhu cầu nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học của 35 học viên là giảng viên GDTC của 20 trường đại học trên phạm vi toàn quốc tổ chức tại Trường Đại học TDTT năm 2014 sau khi đã học xong khóa học. Kết quả phỏng vấn được chúng tôi trình bày ở bảng 5 và 6

Kết quả ở bảng 5 và 6 cho thấy:

- Về nhu cầu tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên GDTC với 3 nội

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn học viên về nhu cầu tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên GDTC (n=35)

TT	Nội dung phỏng vấn	Mức độ					
		Rất phù hợp		Phù hợp		Không phù hợp	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Mở lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ mỗi năm một lần	35	100	0	0	0	0
2	Thời điểm tổ chức lớp vào tháng 11 hàng năm	0	0	2	5.7	33	94.3
3	Thời gian tổ chức lớp 15 ngày/đợt học	1	2.9	4	11.4	30	85.7

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn nhu cầu về nội dung kiến thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên GDTC tại các cơ sở giáo dục đại học năm 2014 (n=35)

TT	Nội dung phỏng vấn	Mức độ							
		Rất cần		Cần thiết		Rất ít		Không cần	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Chuyên đề 1: Quản lý công tác GDTC trong nhà trường	30	85.7	0	0	2	5.7	3	8.6
2	Chuyên đề 2: Đường lối quan điểm TDTT của Đảng và Nhà nước	20	57.1	5	14.3	10	28.6	0	0
3	Chuyên đề 3: Các chỉ tiêu hình thái, chức năng cơ thể ứng dụng trong tuyển chọn và đánh giá trình độ tập luyện	30	85.7	5	14.3	0	0	0	0
4	Chuyên đề 4: Những vấn đề cơ bản của Lý luận GDTC và các khái niệm	5	14.3	2	5.7	3	8.6	25	71.4
5	Chuyên đề 5: Quản lý công tác thi đấu TT	25	71.4	5	14.3	5	14.3		0
6	Chuyên đề 6: Dinh dưỡng cho VĐV và người tham gia tập luyện	25	71.4	5	14.3	3	8.6	2	5.7
7	Chuyên đề 7: Các phương tiện, phương pháp và nguyên tắc về phương pháp GDTC	5	14.3	7	20	3	8.6	20	57.1
8	Chuyên đề 8: Tài sản và dịch vụ trong lĩnh vực thể dục thể thao	18	51.4	5	14.3	10	28.6	2	5.7
9	Chuyên đề 9: Hồi phục trong thể thao	20	57.1	10	28.6	5	14.3	0	0
10	Chuyên đề 10: Dạy học động tác, giáo dục các tố chất thể lực và lập kế hoạch trong GDTC	5	14.3	2	5.7	3	8.6	25	71.4



Khai mạc lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho huấn luyện viên, giảng viên TĐTT tại Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh năm 2017

dung phỏng vấn, có 35/35 ý kiến (100%) cho rằng việc mở lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ mỗi năm một lần là rất phù hợp; có 33/35 ý kiến (94.3%) cho rằng thời điểm tổ chức lớp vào tháng 11 hàng năm là không phù hợp, còn lại 2 ý kiến (5.7%) cho rằng phù hợp; có 30/35 ý kiến (85.7%) cho rằng thời gian tổ chức lớp 15 ngày/đợt học là không phù hợp, có 04/35 ý kiến (11.4%) cho rằng phù hợp và có 01/35 ý kiến (2.9%) cho rằng rất phù hợp.

- Về nội dung kiến thức lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên GDTC các cơ sở giáo dục đại học năm 2014, với 10 chuyên đề có tới 06 chuyên đề học viên đánh giá mức rất cần dưới 70%, còn lại 04 chuyên đề được học viên đánh giá mức rất cần trên 70%. Qua trao đổi tọa đàm phần đa các học viên cho rằng tên chuyên đề là phù hợp với định hướng cũng như nhu cầu cho những người làm công tác GDTC, song về nội dung giảng dạy cần phải cập nhật các kiến thức mới, những văn bản pháp quy và định hướng mới trong công tác GDTC của trong nước và nước ngoài...

KẾT LUẬN

1. Số lượng đội ngũ giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học vẫn còn tình trạng mất cân đối, không đồng bộ trong cơ cấu đội ngũ ở các địa bàn khác nhau và theo ngành nghề đào tạo; Về chất lượng đội ngũ giảng viên GDTC cơ bản có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

2. Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý giảng viên GDTC còn nhiều bất cập trong việc thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên;

3. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chủ yếu vẫn mang tính tự thân mà chưa mang tính tổ chức, tính bắt buộc hoặc được sắp xếp theo quy định và kế hoạch của các trường;

4. Nhu cầu nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên GDTC rất cao, cần thường xuyên mở lớp và sắp xếp thời điểm, thời gian phù hợp; nội dung giảng dạy cần phải cập

nhật các kiến thức mới, những văn bản pháp quy và định hướng mới trong công tác GDTC của trong nước và nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), Phân phối chương trình giáo dục thể chất trong các trường Đại học (quyết định 203/QĐ-GDTC ngày 23/01/1998).

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục – Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Thực trạng công tác Giáo dục đại học giai đoạn 2008-2013*.

4. Đặng Bá Lâm (2005), *Quản lý nhà nước về giáo dục - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Picsecki.E (1978), *Nghiên cứu về người giáo viên dạy TĐTT*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6. Trần Bá Hoàn và cộng sự (1993), *Tổng quan về đội ngũ giáo viên*, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 20/12/2016, Phản biện ngày 11/4/2017, duyệt in ngày 25/4/2017)